

Số: 505/QĐ-ĐHCN

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 315/2005/QĐ-TTg ngày 02/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 945/QĐ-TTg ngày 04/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4811/QĐ-BCN ngày 29/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trái với Quy định này đều được bãi bỏ.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học, Trường các Khoa đào tạo, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (đề báo cáo);
- Các Khoa đào tạo;
- Lưu: VT, SĐH.



Trần Đức Quý

QUY ĐỊNH

Về Tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 505 /QĐ-ĐHCN ngày 15 tháng 05 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: tuyển sinh; chương trình và tổ chức đào tạo; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của cá nhân và các đơn vị liên quan; luận án và bảo vệ luận án; thẩm định luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo trình độ tiến sĩ là đào tạo những nhà khoa học, có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ và hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

Điều 3. Thời gian đào tạo và các cấp đánh giá luận án

1. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 03 năm tập trung liên tục; đối với người có bằng đại học là 04 năm tập trung liên tục.

2. Trường hợp nghiên cứu sinh (NCS) không theo học tập trung liên tục và được Nhà trường chấp nhận thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của NCS phải có tổng thời gian học và nghiên cứu như quy định tại khoản 1 điều này, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại Trường để thực hiện đề tài nghiên cứu.

3. Luận án của NCS được đánh giá 03 cấp:

- Hội thảo ở Viện/Trung tâm/Khoa chuyên môn (sau đây gọi là đơn vị chuyên môn);
- Đánh giá cấp đơn vị chuyên môn;
- Đánh giá cấp Trường.

Điều 4. Quản lý nghiên cứu sinh

1. Đơn vị chuyên môn, Trung tâm Đào tạo Sau đại học (TTĐTSDH), các cá nhân và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm về việc tổ chức và quản lý học tập, nghiên cứu của NCS theo sự phân công trách nhiệm trong Quy định này.

2. Trong quá trình học tập, từ thời điểm được công nhận NCS đến khi bảo vệ luận án cấp Trường, NCS được xem là thành viên của đơn vị chuyên môn và chịu sự quản lý, phân công công tác chuyên môn của đơn vị đó.

Điều 5. Thu chi trong đào tạo trình độ tiến sĩ:

Việc thu, chi phục vụ đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo Quy định của Nhà trường.

Chương 2

TUYỂN SINH

Điều 6. Thời gian và hình thức tuyển sinh

1. Số lần tuyển sinh trong năm: 02 lần, lần 01 vào tháng 5; lần 02 vào tháng 10.

2. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển.

Điều 7. Thông báo và hồ sơ tuyển sinh

1. Thông báo tuyển sinh: Trước mỗi kỳ tuyển sinh ít nhất 03 tháng, TTĐTSDH ra thông báo trình Hiệu trưởng phê duyệt, nội dung bao gồm:

a) Điều kiện dự tuyển;

b) Danh mục ngành phù hợp được xét tuyển cho từng chuyên ngành; danh sách người hướng dẫn;

c) Chỉ tiêu tuyển sinh; hồ sơ dự tuyển; thời gian nhận hồ sơ; lệ phí dự tuyển;

d) Kế hoạch tuyển sinh, thời gian công bố trúng tuyển và nhập học;

2. Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

a) Đơn xin dự tuyển (theo mẫu).

b) Sơ yếu lý lịch (theo mẫu).

c) Lý lịch khoa học (theo mẫu, photo 07 bản).

d) Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực (photo 07 bản).

e) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học (sao chụp các bài báo khoa học, photo 07 bản).

f) Đề cương nghiên cứu (theo mẫu, photo 07 bản).

g) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức

danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (theo mẫu, photo 07 bản).

h) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

i) Giấy khai sinh; Giấy chứng nhận đủ sức khỏe của cơ sở Y tế có thẩm quyền, còn giá trị.

j) 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày sinh và ngành dự tuyển mặt sau của ảnh).

Điều 8. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên, thời gian tốt nghiệp chưa quá 12 tháng hoặc bằng thạc sĩ có chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành dự tuyển.

2. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

3. Có bản đề cương về dự định nghiên cứu, nội dung trình bày:

a) Tên lĩnh vực đề tài nghiên cứu, tên chuyên ngành và mã số;

b) Lý do lựa chọn đề tài, lĩnh vực nghiên cứu;

c) Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký đi học NCS;

d) Lý do lựa chọn Trường Đại học Công nghiệp (ĐHCN) Hà Nội làm nơi đào tạo;

e) Kế hoạch thực hiện để đạt mục tiêu;

f) Những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết và dự kiến của thí sinh trong lĩnh vực dự định nghiên cứu;

g) Các kết quả nghiên cứu, danh mục các công trình đã có.

4. Điều kiện trình độ ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (Phụ lục I) do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 24 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

Điều 9. Hội đồng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS), thành phần gồm:

a) Chủ tịch hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền;

b) Phó chủ tịch hội đồng: Phó hiệu trưởng;

c) Ủy viên thường trực: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc TTĐTSDH;

d) Các ủy viên: Trưởng, Phó đơn vị chuyên môn của chuyên ngành có trong đăng ký nhận NCS hoặc có thí sinh đăng ký dự tuyển.

Những người có người thân: vợ, chồng, con, anh chị em ruột dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho HĐTS.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của HĐTS:

a) Thông báo tuyển sinh;

b) Tiếp nhận hồ sơ dự tuyển;

c) Tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển;

d) Tổng kết công tác tuyển sinh (quyết định khen thưởng, kỷ luật), lập báo cáo tổng hợp.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS:

a) Phổ biến hướng dẫn, tổ chức thực hiện các nội dung về tuyển sinh theo quy định này;

b) Quyết định và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng Nhà trường toàn bộ các công tác liên quan đến tuyển sinh theo quy định này; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được thí sinh có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu, theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của Nhà trường.

c) Quyết định thành lập các ban giúp việc cho HĐTS (Ban thư ký và các tiểu ban chuyên môn) chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch HĐTS.

Điều 10. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh

1. Thành phần Ban thư ký: Trưởng ban thư ký là ủy viên thường trực HĐTS kiêm nhiệm và các ủy viên.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban thư ký:

a) Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển; thu lệ phí dự tuyển;

b) Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh gửi tới tiểu ban chuyên môn;

c) Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các tiểu ban chuyên môn, tổng hợp và trình Chủ tịch HĐTS xem xét;

d) Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho các thí sinh dự tuyển.

3. Trách nhiệm của trưởng ban thư ký: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐTS trong việc điều hành công tác của Ban thư ký.

Điều 11. Tiểu ban chuyên môn

1. Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh, Ban thư ký đề nghị các đơn vị chuyên môn đề xuất danh sách các Tiểu ban chuyên môn trình Chủ tịch HĐTS quyết định.

2. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS có ít nhất 05 người có trình độ Tiến sĩ trở lên và thâm niên công tác từ 03 năm trở lên (sau khi có bằng Tiến sĩ), am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của NCS, là cán bộ khoa học, giảng viên của Nhà trường hoặc ngoài Nhà trường do HĐTS mời (nếu cần). Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có Trưởng tiểu ban và các thành viên.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Tiểu ban chuyên môn:

a) Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, bài luận về dự định nghiên cứu và việc trình bày, đề cương nghiên cứu,

các bài báo theo quy định. Tiểu ban phân công 01 ủy viên đọc trước đề cương và bài báo của thí sinh; Tiểu ban chuyên môn trao đổi xung quanh dự định nghiên cứu của thí sinh. Đánh giá bằng điểm bài luận và các bài báo của thí sinh;

b) Tổng hợp kết quả gửi về Ban thư ký HĐTS;

c) Chịu trách nhiệm trước HĐTS về chất lượng và tiến độ xét tuyển.

Điều 12. Quy trình xét tuyển NCS

1. Thành viên Tiểu ban chuyên môn xem xét, phân loại NCS thông qua hồ sơ dự tuyển theo thang điểm đánh giá do Nhà trường quy định, bao gồm:

a) Cơ sở đào tạo và ngành tốt nghiệp đại học, thạc sĩ;

b) Kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ;

c) Trình độ ngoại ngữ;

d) Thành tích nghiên cứu khoa học;

e) Kinh nghiệm hoạt động chuyên môn;

f) Chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu;

g) Ý kiến đánh giá và ủng hộ thí sinh trong 02 thư giới thiệu;

h) Chất lượng và trình độ của thí sinh thông qua bảo vệ đề cương.

2. Thí sinh trình bày dự định nghiên cứu trước tiểu ban chuyên môn. Vấn đề dự định nghiên cứu của NCS phải phù hợp với các lĩnh vực mà đơn vị chuyên môn đang thực hiện; có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý hướng dẫn.

3. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi để đánh giá thí sinh, về các mặt:

a) Tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về ý tưởng và khả năng trình bày về các mục tiêu, mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ;

b) Tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn và những tư chất cần có của một NCS;

c) Tiểu ban chuyên môn đánh giá đề cương phải có văn bản kết luận nhận xét, đánh giá phân loại thí sinh về các nội dung này.

4. Thư ký của Tiểu ban chuyên môn tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm từ cao xuống thấp và chuyển kết quả cho Ban thư ký.

5. Ban thư ký có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho HĐTS. HĐTS căn cứ chỉ tiêu, kết quả xếp loại các thí sinh, yêu cầu của các hướng nghiên cứu, năng lực của người hướng dẫn,... xác định danh sách thí sinh trúng tuyển.

Điều 13. Điều kiện trúng tuyển

1. Đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ tại Khoản 4 Điều 8 của quy định này.
2. Tổng điểm xét tuyển trên $\geq 50/100$ điểm, trong đó điểm trung bình chấm báo cáo định hướng nghiên cứu phải đạt $\geq 50/100$ điểm chấm báo cáo.
3. Số lượng thí sinh được lấy từ cao đến thấp theo chỉ tiêu tuyển sinh.
4. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm thì lấy các trường hợp có điểm trung bình chấm báo cáo định hướng nghiên cứu cao hơn.

Điều 14. Công nhận trúng tuyển

Sau khi có kết quả từ HĐTS, Trường ban thư ký trình Hiệu trưởng phê duyệt danh sách trúng tuyển và ký quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

Điều 15. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

1. Căn cứ vào danh sách trúng tuyển đã được Hiệu trưởng phê duyệt, TTĐTSĐH gửi giấy nhập học đến các thí sinh trúng tuyển.
2. Sau khi NCS đăng ký nhập học chính thức, Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài, cử cán bộ hướng dẫn khoa học, chuyên ngành đào tạo, hệ đào tạo, thời gian đào tạo của NCS.

Chương 3

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY

Điều 16. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do Nhà trường xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định hiện hành, đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học;

b) Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Khung trình độ quốc gia).

2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ gồm 3 phần:

a) Phần 1: Các học phần bổ sung;

b) Phần 2: Các học phần trình độ tiến sĩ (các học phần lên lớp, tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ);

c) Phần 3: Luận án tiến sĩ.

Khối lượng và yêu cầu của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ được quy định tại các điều 17, 18 và 19 của Quy định này.

3. Căn cứ vào trình độ đầu vào (Văn bằng và bảng điểm) của từng NCS, người hướng dẫn NCS và Hội đồng Khoa học và Đào tạo của đơn vị chuyên môn sẽ xác định các học phần bổ sung trình độ thạc sĩ và các học phần trình độ tiến sĩ để Hiệu trưởng phê duyệt.

4. Khung chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ:

Khung chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ		NCS đã có bằng thạc sĩ				NCS có bằng đại học (ngành phù hợp)
		Ngành phù hợp		Ngành gần		
		Tốt nghiệp dưới 05 năm	Tốt nghiệp trên 05 năm	Tốt nghiệp dưới 05 năm	Tốt nghiệp trên 05 năm	
Học phần bổ sung, chuyển đổi		0	6 TC	9 TC	15 TC	30TC
Các học phần trình độ tiến sĩ	Học phần lên lớp trình độ tiến sĩ	03÷05 học phần với khối lượng từ 06÷15TC				
	Tiểu luận tổng quan	01 tiểu luận với khối lượng 03 TC				
	Chuyên đề tiến sĩ	02÷03 chuyên đề với khối lượng từ 06÷09TC				
Luận án tiến sĩ		75TC				

Điều 17. Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung là các học phần giúp NCS có đủ kiến thức và đạt được trình độ chuyên môn cơ bản để thực hiện nhiệm vụ của NCS.

1. Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp tốt nghiệp dưới 05 năm (tính từ ngày ký bằng tốt nghiệp thạc sĩ đến ngày trúng tuyển NCS) không phải học các học phần bổ sung chuyển đổi.

2. Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành gần: phải hoàn thành 09 tín chỉ các học phần chuyển đổi, thuộc các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành/chuyên ngành tương ứng. Việc xác định ngành gần phù hợp được quy

định trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Các học phần chuyển đổi này có thể được đơn vị chuyên môn xem xét miễn trên cơ sở các môn học đã hoàn thành trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (không quá 05 năm, kể từ ngày hoàn thành môn học đến ngày trúng tuyển NCS).

3. Đối với NCS đã có bằng phù hợp trên 05 năm (tính từ ngày tốt nghiệp thạc sĩ đến ngày trúng tuyển NCS): NCS phải hoàn thành 06 tín chỉ các học phần bổ sung (ngoài các học phần chuyển đổi nếu có), thuộc các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành/chuyên ngành tương ứng. Các học phần bổ sung này có thể được đơn vị chuyên môn xem xét miễn trong trường hợp NCS có tham gia các hoạt động khoa học, đào tạo liên quan mật thiết đến hướng nghiên cứu của NCS.

4. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ và tốt nghiệp đại học đúng ngành/chuyên ngành: NCS phải hoàn thành ít nhất 30 tín chỉ của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc ngành/chuyên ngành tương ứng để đảm bảo NCS đạt chuẩn đầu ra bậc 7 khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực đề tài nghiên cứu.

5. Trong trường hợp cần thiết, nếu chương trình đào tạo trình độ đại học của NCS còn thiếu những môn học có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ tiến sĩ, tập thể hướng dẫn có thể yêu cầu NCS học bổ sung một số học phần (tối đa 03 tín chỉ) thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học.

6. NCS phải hoàn thành các học phần bổ sung trong 12 tháng kể từ ngày trúng tuyển NCS đối với các NCS có bằng thạc sĩ hoặc 24 tháng đối với các NCS có bằng đại học.

Điều 18. Các học phần ở trình độ tiến sĩ

1. Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp NCS cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu bao gồm: Các học phần lên lớp, tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 06 học phần đến 09 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng từ 15 tín chỉ đến 27 tín chỉ.

2. Các học phần lên lớp: Mỗi học phần lên lớp ở trình độ tiến sĩ có khối lượng 02÷03 tín chỉ và NCS phải hoàn thành 06÷15 tín chỉ.

3. Tiểu luận tổng quan: yêu cầu giới thiệu tổng quan, phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài/luận án của các tác giả trong và ngoài nước trong những năm gần đây, trình bày rõ tên đề tài/luận án tiến sĩ,

chỉ rõ yêu cầu cụ thể mà luận án sẽ tập trung nghiên cứu giải quyết, các phương pháp thực hiện, các kết quả nghiên cứu có liên quan đến đề tài/luận án đã đạt được và dự kiến kết quả sẽ đạt được. NCS phải hoàn thành một tiểu luận tổng quan có khối lượng bằng 03 tín chỉ.

4. Các chuyên đề tiến sĩ: đòi hỏi NCS tự cập nhật kiến thức mới liên quan đến đề tài của NCS, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp NCS giải quyết một số nội dung của đề tài/ luận án. Nội dung của chuyên đề tiến sĩ là một phần nội dung nghiên cứu theo hướng đề tài luận án hoặc nghiên cứu riêng của NCS có liên quan đến đề tài/luận án. NCS cần trình bày cụ thể về tình hình nghiên cứu, các kết quả nghiên cứu, các ý kiến thảo luận, kết luận và đề xuất. Mỗi NCS phải hoàn thành 02÷03 chuyên đề tiến sĩ, có khối lượng 06÷09 tín chỉ.

5. Đối với NCS có bằng thạc sĩ, NCS phải hoàn thành tiểu luận tổng quan trong 18 tháng và các chuyên đề tiến sĩ trong 24 tháng kể từ ngày trúng tuyển NCS; đối với NCS có bằng đại học, NCS phải hoàn thành tiểu luận tổng quan trong 30 tháng và các chuyên đề tiến sĩ trong 36 tháng kể từ ngày trúng tuyển NCS.

6. Hiệu trưởng giao cho TTĐTSDH công bố công khai trước khi khai giảng mỗi khóa đào tạo trình độ tiến sĩ các nội dung sau:

a) Danh mục, mục tiêu, yêu cầu và nội dung chương trình đào tạo với các môn học ở trình độ tiến sĩ, các chương trình đào tạo của từng ngành/chuyên ngành đào tạo;

b) Cách đánh giá và yêu cầu điểm hoàn thành cho mỗi môn học;

c) Cách báo cáo, cách đánh giá các báo cáo chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan của NCS.

Điều 19. Luận án tiến sĩ

1. Luận án tiến sĩ (LATS) phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính NCS, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

2. Phần thực hiện luận án tiến sĩ bao gồm việc tham gia hoạt động tại đơn vị chuyên môn và thực hiện nghiên cứu khoa học.

3. Yêu cầu về nội dung, hình thức trình bày phải đáp ứng các quy định cụ thể tại điều 29 của Quy định này.

Điều 20. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần lên lớp, tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ

1. Trước mỗi đầu học kỳ, NCS phải thực hiện việc đăng ký kế hoạch học tập và nghiên cứu, bao gồm:

- a) Đăng ký các học phần bổ sung;
- b) Đăng ký các học phần lên lớp ở trình độ tiến sĩ;
- c) Đăng ký tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ;
- d) Đăng ký hoạt động thực hiện luận án.

Việc đăng ký học tập và nghiên cứu này phải có sự đồng ý của tập thể hướng dẫn và đơn vị chuyên môn.

2. Việc tổ chức đánh giá kết quả học tập và nghiên cứu của NCS được thực hiện đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- a) Điểm hoàn thành các học phần bổ sung là từ 5.0 trở lên;
- b) Điểm hoàn thành các học phần lên lớp trình độ tiến sĩ là từ 5.0 trở lên;
- c) Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ được đánh giá bằng hình thức bảo vệ có chấm điểm trước Tiểu ban. Điểm hoàn thành các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan là từ 7.0 trở lên;

d) Các hoạt động thực hiện luận án là sinh hoạt, báo cáo chuyên môn của NCS tại đơn vị, tham gia các hội nghị, hội thảo, các bài báo đã đăng tại hội nghị khoa học và tạp chí chuyên ngành, các đề tài nghiên cứu khoa học đã tham gia và tiến độ thực hiện luận án tiến sĩ. Việc đánh giá các hoạt động thực hiện luận án theo hai mức là “Hoàn thành” hay “Không hoàn thành”.

3. Các học phần lên lớp, tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ không hoàn thành phải được thực hiện lại trong các học kỳ tiếp theo.

4. Các học phần bổ sung thuộc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và các học phần lên lớp trình độ tiến sĩ do TTĐTSĐH tổ chức thực hiện. Điểm của các học phần được tham chiếu theo Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐHCN Hà Nội.

5. Tổ chức đánh giá tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ:

a) Trên cơ sở đề xuất của đơn vị chuyên môn, TTĐTSĐH trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Tiểu ban đánh giá gồm 03 thành viên: Trưởng tiểu ban, thư ký và một ủy viên.

b) Tiêu chuẩn thành viên Tiểu ban:

- Các thành viên Tiểu ban phải có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có ngành/chuyên ngành phù hợp, am hiểu những vấn đề có liên quan đến đề tài.

- Trưởng tiểu ban phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của Tiểu ban.

c) Tiểu ban không tổ chức họp đánh giá nếu xảy ra vắng mặt từ 01 thành viên trở lên.

d) Thông qua báo cáo (thời gian tối đa 30 phút) sau đó là tranh luận/trả lời câu hỏi, Tiểu ban sẽ cho điểm đánh giá kết thúc chuyên đề tiến sĩ hoặc tiểu luận tổng quan. Điểm của các thành viên Tiểu ban được chấm theo thang điểm 10, có số lẻ đến 0,1 điểm. Điểm của Tiểu ban đánh giá là trung bình cộng điểm các thành viên Tiểu ban có tham gia buổi đánh giá, được tính đến 02 số lẻ thập phân.

e) Chênh lệch về điểm giữa các thành viên Tiểu ban không vượt quá 3 điểm hoặc không vượt quá 2 điểm so với điểm trung bình cộng của Tiểu ban. Nếu xảy ra trường hợp này thì Trưởng tiểu ban triệu tập cuộc họp giữa các thành viên Tiểu ban và thống nhất cách xử lý. Trường hợp không thống nhất được điểm cuối cùng, Trưởng tiểu ban là người quyết định.

f) Đối với tiểu luận tổng quan: Ngoài việc đánh giá nội dung chuyên môn, Tiểu ban đánh giá tiểu luận tổng quan có trách nhiệm xem xét tên đề tài LATS, các yêu cầu cụ thể mà luận án sẽ tập trung nghiên cứu giải quyết, các phương pháp thực hiện, các kết quả nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án đã đạt được, dự kiến kết quả sẽ đạt được do NCS đề xuất trong tiểu luận tổng quan. Biên bản kết luận của Tiểu ban đánh giá tiểu luận tổng quan là một trong những tài liệu phục vụ cho việc đánh giá LATS sau này.

Điều 21. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Việc thay đổi đề tài luận án được thực hiện khi NCS, người hướng dẫn đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo quy định tại khoản 1, Điều 16 của Quy định này, trong thời gian quy định tại các khoản 5, khoản 6 Điều này.

2. Tên đề tài luận án có thể được điều chỉnh theo đề nghị hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn nếu việc điều chỉnh này không làm thay đổi nội dung nghiên cứu của đề tài luận án.

3. Việc bổ sung hoặc thay đổi cán bộ hướng dẫn (nếu có) phải được thực hiện chậm nhất 12 tháng trước khi kết thúc thời gian đào tạo chính thức theo quyết định công nhận NCS (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng.

4. Khi có lý do chính đáng, NCS có thể đề nghị chuyển cơ sở đào tạo với điều kiện thời hạn học tập theo quy định còn ít nhất 12 tháng theo quyết định công nhận NCS và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở

trình độ tiến sĩ, được Trường ĐHCN Hà Nội đồng ý, được cơ sở chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận là NCS của cơ sở chuyển đến.

5. NCS được xác định là hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu trong thời hạn quy định, luận án đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua.

6. Nếu NCS không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định, NCS phải nộp đơn đề nghị gia hạn chậm nhất là 01 tháng trước khi hết hạn. Đơn đề nghị gia hạn phải có sự đồng ý của tập thể hướng dẫn, đơn vị chuyên môn, được gửi đến TTĐTSDH để trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định.

a. Điều kiện để được xét gia hạn: NCS đã hoàn thành các học phần bổ sung, học phần lên lớp trình độ tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và các chuyên đề.

b. Thời hạn gia hạn tối đa là 24 tháng, trong thời gian này NCS phải theo học tập trung liên tục tại Trường.

c. NCS có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn.

7. Khi NCS hoàn thành xuất sắc chương trình đào tạo thể hiện qua việc công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong nước hoặc nước ngoài có uy tín, NCS có thể đề nghị được bảo vệ sớm luận án khi thời gian đào tạo kéo dài được ít nhất 2/3 thời gian theo quyết định công nhận NCS. TTĐTSDH xem xét trình Hiệu trưởng quyết định việc bảo vệ LATS trước thời hạn trên cơ sở:

a. Kết quả học tập và nghiên cứu khoa học của NCS;

b. Đề nghị của tập thể hướng dẫn;

c. Ý kiến đánh giá, đề nghị của Hội đồng khoa học và Đào tạo của đơn vị chuyên môn.

8. Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá cấp trường thông qua, Hiệu trưởng Nhà trường quyết định cho NCS thôi học.

Chương 4

YÊU CẦU, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ

Điều 22. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Tiêu chuẩn giảng viên:

a) Có nhân thân rõ ràng, phẩm chất, đạo đức tốt; có sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;

b) Có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học hoặc học vị tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong

chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ.

c) Đã và đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên hoặc đã và đang tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp bộ trở lên.

d) Là tác giả chính tối thiểu 02 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên các tạp chí có chuyên ngành.

2. Giảng viên thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học và các quy định liên quan.

Điều 23. Người hướng dẫn NCS

1. Tiêu chuẩn người hướng dẫn độc lập:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục Đại học;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;

c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên;

d) Là tác giả chính tối thiểu 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí của cơ sở dữ liệu ISI Thomson Reuters hoặc của cơ sở dữ liệu Scopus - Elsevier (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI - Scopus) hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành; hoặc là tác giả chính của tối thiểu 02 báo cáo đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, hoặc 02 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

e) Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, ngoài việc phải đáp ứng quy định tại điểm d khoản này phải là tác giả chính của thêm 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus;

f) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

g) Người hướng dẫn độc lập phải là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Nhà trường hoặc là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Nhà trường.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó:
- a) Người hướng dẫn chính phải có đầy đủ các tiêu chuẩn qui định tại khoản 1 Điều này;
 - b) Người hướng dẫn phụ phải có các tiêu chuẩn tối thiểu qui định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này;
 - c) Ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Nhà trường.

3. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn:

- a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục Đại học;
- b) Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 04 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 03 nghiên cứu sinh;
- c) Không được hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh mới nếu trong vòng 06 năm (72 tháng) tính đến thời điểm được giao nhiệm vụ có 02 nghiên cứu sinh có luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua, bao gồm cả việc đánh giá lại luận án quy định tại Điều 39 của Quy định này (nếu có);
- d) Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học;
- e) Thông qua luận án của nghiên cứu sinh, đề nghị để luận án được đánh giá ở đơn vị chuyên môn và tại Hội đồng cấp trường nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 29 của Quy định này;
- f) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định hiện hành.

Điều 24. Nhiệm vụ và quyền của NCS

1. Trong quá trình đào tạo, NCS là thành viên chính thức và chịu sự quản lý và phân công của đơn vị chuyên môn, có trách nhiệm báo cáo kế hoạch để thực hiện chương trình học tập và nghiên cứu, đề cương nghiên cứu với đơn vị.

2. Trong quá trình đào tạo, NCS có nhiệm vụ:

- a) Thực hiện quy định tại các Điều 60, 61 Luật giáo dục đại học.
- b) Xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học toàn khoá và từng học kỳ, được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua.
- c) Định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả đạt được theo quy định của Nhà trường.

d) Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án.

e) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định hiện hành.

Điều 25. Trách nhiệm của đơn vị chuyên môn

1. Tiếp nhận và quản lý NCS trong suốt quá trình đào tạo như một thành viên chính thức của đơn vị: Giao nhiệm vụ, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện của NCS.

2. Có các biện pháp quản lý và thực hiện quản lý chặt chẽ NCS trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu. Định kỳ 06 tháng một lần báo cáo Hiệu trưởng về tình hình học tập và nghiên cứu của NCS.

3. Xây dựng, rà soát, hiệu chỉnh và bổ sung chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ (04 năm/lần) và thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa chuyên môn, gửi tới TTĐTSDH để trình Hiệu trưởng quyết định.

4. Xem xét và đề xuất các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo tiến sĩ tiến sĩ theo Chương 3 của Quy định này, gửi tới TTĐTSDH để trình Hiệu trưởng quyết định.

5. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ và tổ chức hội thảo khoa học cấp đơn vị trước khi tiến hành thủ tục bảo vệ cấp đơn vị chuyên môn cho NCS để góp ý và sơ bộ đánh giá quyền luận án.

a) Thành phần tham dự hội thảo là các thành viên của đơn vị chuyên môn, nên mời các nhà khoa học có uy tín thuộc ngành/chuyên ngành của đề tài luận án tham gia hội thảo.

b) Mục đích của hội thảo:

- Góp ý về nội dung và trình bày luận án, đề xuất các yêu cầu bổ sung hay chỉnh sửa cần thiết.

- Xem xét tính phù hợp của tên đề tài với mã số ngành/chuyên ngành đã đăng ký với nội dung của luận án.

c) Các nhận xét đánh giá, các đề xuất bổ sung hay chỉnh sửa được ghi rõ trong biên bản hội thảo. Biên bản của hội thảo lần cuối phải ghi rõ kết luận của luận án đã có thể đưa ra bảo vệ chính thức cấp đơn vị chuyên môn hay chưa.

6. Xem xét khả năng và triển vọng của NCS về chuyên môn, thông qua TTĐTSDH để trình Hiệu trưởng quyết định việc tiếp tục hoặc ngừng học tập đối với từng NCS.

7. Xem xét và đề nghị việc thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi cán bộ hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo.

8. Sử dụng danh mục các tạp chí khoa học, hội thảo ngành/chuyên ngành đã được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước thông qua năm gần nhất trước đó làm danh sách đề NCS gửi công bố kết quả nghiên cứu của mình.

9. Đề xuất danh sách các nhà khoa học trong và ngoài Trường đáp ứng các tiêu chuẩn cán bộ giảng dạy và hướng dẫn quy định tại điều 22, 23 của Quy định này kèm theo danh mục các đề tài nghiên cứu, hướng và lĩnh vực nghiên cứu mà cán bộ hướng dẫn dự định nhận NCS vào năm tuyển sinh. Đơn vị gửi danh sách và danh mục này đến TTĐTSDH để trình Hiệu trưởng quyết định và công bố trên trang thông tin của TTĐTSDH.

10. Giới thiệu danh sách thành viên tiểu ban chuyên môn đánh giá tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ, hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ các cấp, gửi TTĐTSDH để trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập.

11. Giới thiệu danh sách các nhà khoa học trong và ngoài Trường ĐHCN Hà Nội có thể đảm nhiệm vai trò phản biện độc lập khi đánh giá luận án cấp trường.

12. Hỗ trợ và phối hợp với TTĐTSDH, tổ chức đánh giá tiểu luận tổng quan các chuyên đề, luận án của NCS ở các cấp.

Điều 26. Trách nhiệm của Trung tâm Đào tạo Sau đại học

1. Xây dựng và trình Hiệu trưởng ban hành quy định chi tiết của Trường về mở và dừng ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý NCS về luận án, bảo vệ luận án, cấp bằng tiến sĩ và các hoạt động liên quan đến quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ trên cơ sở “Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ” do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành.

2. Phối hợp với các đơn vị chuyên môn và các đơn vị có liên quan đề xuất mở và dừng ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

3. Trong công tác tuyển sinh, TTĐTSDH giúp Hiệu trưởng:

a) Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của Nhà trường theo từng ngành/chuyên ngành đào tạo.

b) Trên cơ sở chỉ tiêu đã xác định, tổ chức tuyển sinh hàng năm tuân thủ các quy định của Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Trong công tác tổ chức, TTĐTSDH có nhiệm vụ:

a) Kết hợp với đơn vị chuyên môn xây dựng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, giáo trình, kế hoạch giảng dạy đối với các ngành/chuyên ngành đào tạo.

b) Trình Hiệu trưởng phê duyệt danh mục các tạp chí khoa học uy tín - các tạp chí khoa học, hội thảo ngành/chuyên ngành đã được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước thông qua năm gần nhất trước đó mà NCS phải gửi công bố

kết quả nghiên cứu theo từng ngành/chuyên ngành và Công bố danh mục trên trang Web của TTĐTSDH.

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu về đội ngũ đào tạo sau đại học gồm danh sách cán bộ hướng dẫn kèm theo danh mục các đề tài nghiên cứu, hướng hay lĩnh vực nghiên cứu. Công bố cơ sở dữ liệu này trên trang Web của TTĐTSDH.

d) Trình Hiệu trưởng ra quyết định công nhận NCS, đề tài nghiên cứu, ngành/chuyên ngành đào tạo, tập thể hướng dẫn, hình thức và thời gian đào tạo của NCS.

e) Trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn và cấp trường.

f) Tổ chức việc phản biện độc lập luận án tiến sĩ theo đúng quy trình và quy định.

g) Trình Hiệu trưởng ra quyết định xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo NCS như thay đổi đề tài, cán bộ hướng dẫn, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo hay chuyển cơ sở đào tạo cho NCS.

h) Tổ chức đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

5. Trong công tác quản lý, TTĐTSDH có nhiệm vụ:

a) Quản lý quá trình đào tạo, nghiên cứu của NCS.

b) Quản lý việc đánh giá và cấp chứng chỉ các môn học, bảng điểm học tập.

c) Cấp giấy chứng nhận cho NCS đã hoàn thành chương trình đào tạo, đã bảo vệ luận án tiến sĩ trong thời gian thẩm định luận án.

d) Trình Hiệu trưởng ra quyết định cấp bằng tiến sĩ.

e) Cấp bằng bản sao từ sổ gốc theo đúng quy định.

f) Tiếp nhận và trả lời các yêu cầu xác minh văn bằng tiến sĩ theo quy định.

6. Tạo điều kiện làm các thủ tục khi NCS có nhu cầu đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học quốc tế ở nước ngoài.

7. Tạo điều kiện làm các thủ tục khi NCS có nhu cầu được cung cấp thiết bị, vật tư, tư liệu và các điều kiện cần thiết khác đảm bảo cho việc học tập và nghiên cứu của NCS như đối với cán bộ của Trường.

8. Phối hợp với đơn vị chuyên môn, chủ trì tổ chức đánh giá tiểu luận tổng quan, chuyên đề, luận án của NCS ở các cấp.

9. Xây dựng và cập nhật trang Web với các thông tin sau:

a) Toàn văn luận án, tóm tắt luận án, bản thông tin luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

b) Danh sách NCS hàng năm.

c) Các đề tài nghiên cứu do NCS đang thực hiện.

10. Thực hiện đầy đủ chế độ lưu trữ và báo cáo Bộ GD&ĐT thông qua đầu mối Phòng Đào tạo của Nhà trường bao gồm:

a) Tình hình và kết quả tuyển sinh, các quyết định công nhận NCS trúng tuyển sau kỳ tuyển sinh.

b) Công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Nhà trường, những thay đổi về NCS trong năm, xác định chỉ tiêu và kế hoạch tuyển NCS năm sau vào tháng 12 hàng năm.

c) Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn, danh sách trích ngang NCS đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại hội đồng bảo vệ luận án cấp trường trong 02 tháng vừa qua (nếu có).

11. Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

12. Thay mặt Hiệu trưởng tổ chức kiểm tra trong toàn Trường việc thực hiện các quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ của quy định này và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về toàn bộ các hoạt động đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường.

Điều 27. Trách nhiệm của phòng Đào tạo

Phối hợp với TTĐTSDH, triển khai các công việc sau:

- Xác định và trình Hiệu trưởng ký quyết định chỉ tiêu đào tạo trình độ tiến sĩ của Nhà trường hàng năm;

- Đầu mối báo cáo với Bộ GD&ĐT tình hình và kết quả tuyển sinh; Công tác đào tạo NCS; Danh sách trích ngang NCS đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại hội đồng bảo vệ luận án cấp trường trong 02 tháng vừa qua (nếu có) theo khoản 10 điều 29 của quy định này.

Điều 28. Trách nhiệm của Trung tâm Thư viện

Tiếp nhận, đăng tải (toàn văn) và lưu trữ luận án của các NCS bảo vệ thành công theo quy định hiện hành.

Chương 5

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Điều 29. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Đáp ứng các yêu cầu tại Điều 19 của Quy định này.
2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);

b) Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;

c) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

3. Khối lượng, hình thức, cách trình bày luận án, quy định trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo (Phụ lục II): Số trang của luận án tiến sĩ là khoảng 100÷120 trang khổ A4. Trong đó trên 50% trình bày các kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng NCS. Phần phụ lục (nếu có) có số trang tối đa là 70 trang. Quyền luận án, quyền tóm tắt luận án và bản thông tin luận án phải được trình bày đúng theo định dạng Nhà trường quy định.

4. Yêu cầu về nội dung:

- a) Lời cam đoan của tác giả
- b) Lời cảm ơn
- c) Mục lục
- d) Mở đầu
- e) Tổng quan tình hình nghiên cứu
- f) Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu
- g) Cơ sở lý luận và giả thuyết khoa học
- h) Phương pháp nghiên cứu
- i) Kết quả nghiên cứu, phân tích và bàn luận kết quả nghiên cứu
- j) Kết luận
- k) Kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo
- l) Danh mục các công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án
- m) Danh mục tài liệu tham khảo
- n) Phụ lục (nếu cần).

5. Riêng quyền luận án tiến sĩ và tóm tắt luận án tiến sĩ đưa phản biện độc lập không được có bất kỳ thông tin gì về NCS và tập thể hướng dẫn, kể cả danh mục các công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án. Sau khi luận án đã đáp ứng được các quy định về phản biện độc lập và có quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, danh sách phản biện phải được in trên trang bìa phụ của quyền luận án và quyền tóm tắt luận án.

6. Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

7. Khi sử dụng kết quả, số liệu, hình ảnh, hình vẽ, bảng biểu, công thức, đồ thị, sơ đồ, từ ngữ, câu văn, ý tưởng,... của một nguồn tài liệu khác, ngay cả khi không sử dụng nguyên văn, NCS phải thực hiện trích dẫn đúng cách. Sử dụng kiểu trích dẫn IEEE (Reference Order) đối với nhóm ngành kỹ thuật, hoặc kiểu APA đối với nhóm ngành quản lý. Việc không trích dẫn hoặc trích dẫn không đúng cách đều bị xem là đạo văn. Các trường hợp vi phạm đều xử lý như sau:

a) Nếu phát hiện vi phạm trước khi bảo vệ luận án cấp đơn vị chuyên môn, luận án sẽ không được duyệt để bảo vệ. NCS phải chỉnh sửa đến khi đạt yêu cầu, được đơn vị chuyên môn phê duyệt và chấp nhận cho bảo vệ cấp đơn vị.

b) Nếu phát hiện vi phạm sau khi đã bảo vệ luận án cấp đơn vị chuyên môn, TTĐTSDH sẽ tổ chức buổi họp với đơn vị chuyên môn để đề xuất với Hiệu trưởng quyết định hủy bỏ buổi bảo vệ cấp đơn vị chuyên môn và tiến hành lại quy trình bảo vệ.

c) Nếu phát hiện vi phạm sau khi đã bảo vệ cấp trường, TTĐTSDH tổ chức buổi họp với Hội đồng Khoa học và Đào tạo của đơn vị chuyên môn để đề xuất Hiệu trưởng quyết định theo một trong 02 hướng:

- Hủy bỏ kết quả bảo vệ cấp trường và tiến hành lại từ đầu quy trình bảo vệ cấp trường giống như sau khi bảo vệ thành công cấp đơn vị chuyên môn;

- Hủy bỏ kết quả bảo vệ cấp trường, NCS bị tạm ngừng học tập hoặc đình chỉ học tập.

8. Danh mục công trình đã công bố của NCS có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo tiêu chuẩn trích dẫn của IEEE (nhóm ngành kỹ thuật) hoặc APA (nhóm ngành quản lý). Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận án.

9. Nội dung chính và các kết quả nghiên cứu của luận án:

a) Phải được báo cáo tại các hội nghị khoa học toàn quốc hoặc quốc tế hàng năm (nếu có) của ngành khoa học mà NCS thực hiện luận án.

b) Kết quả luận án phải được công bố ít nhất trong 02 bài báo trên tạp chí trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 02 báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện.

Điều 30. Điều kiện bảo vệ luận án cấp đơn vị chuyên môn

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn:

a) Đã hoàn thành các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ quy định tại các Điều 17 và 18 của Quy định này;

b) Đã công bố tối thiểu 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 02 báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện;

c) Được tập thể hoặc người hướng dẫn nghiên cứu sinh đồng ý cho đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn.

2. Việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường; các thành viên của đơn vị chuyên môn, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

Điều 31. Đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn

1. Khi NCS đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại điều 30 của quy định này, xét đề nghị của tập thể hướng dẫn, trưởng đơn vị chuyên môn đề xuất bằng văn bản đề nghị TTĐTSĐH tiến hành các thủ tục và trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn.

2. Hội đồng đánh giá cấp đơn vị chuyên môn gồm 07 thành viên:

a) Gồm: Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên nhận xét luận án. Những người thân (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột) của NCS không được tham gia Hội đồng;

b) Số lượng nhà khoa học được mời nhận xét luận án tối thiểu là 05 người có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; có sự tham gia của các nhà khoa học ở trong và ngoài Nhà trường. Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của nghiên cứu sinh; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp trường;

c) Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp trường khi có tối thiểu ba phần tư (3/4) số nhà khoa học được mời nhận xét luận án ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án).

3. Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội

đồng phải đọc luận án và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.

4. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một (hoặc nhiều hơn) trong các trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt Chủ tịch hội đồng.
- b) Vắng mặt Thư ký hội đồng.
- c) Vắng mặt cán bộ nhận xét có ý kiến không tán thành luận án.
- d) Vắng mặt từ 02 thành viên hội đồng trở lên.
- e) NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

5. Phiên họp đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn:

a) Là một buổi sinh hoạt khoa học của đơn vị chuyên môn, các thành viên trong đơn vị và những người quan tâm có thể dự và góp ý kiến.

b) Khi luận án vẫn còn những điểm cần sửa chữa, bổ sung, Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn có thể tổ chức nhiều lần cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường; các thành viên của đơn vị chuyên môn, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật); Kinh phí tổ chức đánh giá lại do NCS chi trả.

c) Các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn phải có nhận xét chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót và yêu cầu NCS sửa chữa, bổ sung.

6. Hội đồng phải thực hiện quyết nghị của hội đồng, trong đó nêu rõ:

a) Tên đề tài có phù hợp với nội dung và mã số ngành/chuyên ngành, có trùng lặp với các tên đề tài đã bảo vệ hay không?

b) Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm mới, đóng góp mới của luận án.

c) Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án.

d) Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và các đề xuất sử dụng kết quả nghiên cứu của luận án.

e) Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi bảo vệ luận án cấp trường.

f) Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án.

g) Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của Hội đồng.

h) Kết luận: Đề nghị cho phép NCS bảo vệ cấp trường/Đề nghị NCS bảo vệ lại cấp đơn vị chuyên môn.

Điều 32. Quy trình bảo vệ luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn

1. NCS nộp cho đơn vị chuyên môn 07 quyển luận án, 07 quyển tóm tắt luận án (đã bổ sung sửa chữa theo ý kiến của hội thảo khoa học lần cuối của đơn vị chuyên môn) và 07 quyển tuyển tập các công trình công bố liên quan đến đề tài luận án của NCS (gồm danh mục, bản sao bìa tạp chí hoặc kỷ yếu và bản sao toàn văn bài báo, công trình công bố) và bộ hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án cấp đơn vị chuyên môn. Bộ hồ sơ (một bản chính và một bản sao) bao gồm:

a) Đơn đề nghị bảo vệ luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn;

b) Biên bản Hội thảo khoa học lần cuối của đơn vị chuyên môn có kết luận về việc đồng ý cho NCS bảo vệ cấp đơn vị chuyên môn;

c) Bản nhận xét của tập thể hướng dẫn, bao gồm việc khẳng định chất lượng luận án, nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của NCS và chấp thuận cho NCS bảo vệ luận án tiến sĩ;

d) Lý lịch khoa học mới nhất, có xác nhận của địa phương hoặc cơ quan cử đi học;

e) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có công trình đồng tác giả);

f) Bảng điểm đào tạo trình độ tiến sĩ đã hoàn thành chương trình đào tạo được quy định tại các điều khoản thuộc chương 3 của Quy định này trong thời gian quy định.

g) Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ (nếu có).

TTĐTSĐH chuẩn bị điểm b và c, f và g các điểm còn lại NCS chuẩn bị.

2. Đơn vị chuyên môn xem xét và cho ý kiến về nội dung luận án, các bài báo cũng như các tài liệu khác liên quan tới chuyên môn về việc đồng ý hay không đồng ý cho phép NCS bảo vệ cấp đơn vị chuyên môn.

3. Căn cứ vào đề nghị của đơn vị chuyên môn, TTĐTSĐH trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng chấm luận án cấp đơn vị chuyên môn.

4. Trong vòng 07 ngày kể từ ngày Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng chấm luận án cấp đơn vị chuyên môn, TTĐTSĐH trực tiếp gửi giấy mời đọc và nhận xét luận án cùng với quyển luận án, quyển tóm tắt luận án và quyển tuyển tập các công trình công bố liên quan đến đề tài luận án của NCS đến các thành viên hội đồng. Thời gian để các thành viên trong Hội đồng đọc luận án ít nhất là 15 ngày làm việc. Bản nhận xét luận án phải gửi trực tiếp đến TTĐTSĐH. Nghiêm cấm NCS tham gia vào quá trình tổ chức Hội đồng.

5. Sau khi nhận đủ 07 bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, TTĐTSDH đề nghị ngày họp hội đồng chấm luận án.
6. TTTĐTSDH đưa thông tin lên mạng và chuyển hồ sơ cho Chủ tịch hoặc Thư ký hội đồng gồm có:
 - a) Các biểu mẫu biên bản dành cho hội đồng chấm luận án cấp đơn vị chuyên môn;
 - b) Các phiếu đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn.
7. Trên cơ sở nội dung các bản nhận xét luận án của cán bộ phản biện, các thành viên khác trong Hội đồng và nội dung luận án, Thư ký Hội đồng chuẩn bị bản dự thảo Nghị quyết của Hội đồng (được quy định tại khoản 6 điều 31) để hội đồng thảo luận khi họp riêng.
8. Trình tự buổi bảo vệ luận án cấp đơn vị chuyên môn:
 - a) Đại diện TTĐTSDH tuyên bố lý do, đọc Quyết định của Trường ĐHCN Hà Nội thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn, sau đó chuyển quyền điều khiển buổi bảo vệ cho Chủ tịch hội đồng;
 - b) Chủ tịch hội đồng công bố danh sách thành viên hội đồng có mặt, các điều kiện chuẩn bị cho buổi bảo vệ và công bố chương trình làm việc;
 - c) Thư ký hội đồng đọc lý lịch khoa học của NCS, nếu không có ý kiến thắc mắc hay phản đối, NCS sẽ trình bày trước hội đồng;
 - d) NCS trình bày nội dung luận án trong thời gian từ 30 đến 60 phút;
 - e) Các ủy viên đọc nhận xét về luận án và đặt câu hỏi;
 - f) Thành viên Hội đồng và những người tham dự đặt câu hỏi hoặc góp ý về những kết quả đã đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được và những điểm cần bổ sung hoặc sửa chữa;
 - g) Việc đánh giá luận án phải tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học;
 - h) NCS trả lời các câu hỏi đã nêu ra và các ý kiến trao đổi;
 - i) Khi không còn vấn đề tranh luận hoặc các vấn đề đã được làm rõ, hội đồng họp kín. Từng thành viên Hội đồng viết phiếu đánh giá. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 01 Trưởng ban và 02 ủy viên (Trưởng ban không nhất thiết là Chủ tịch hội đồng). Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và thực hiện biên bản kiểm phiếu (có chữ ký của Trưởng ban kiểm phiếu);
 - j) Dựa vào nhận xét của các thành viên, nội dung thảo luận tại phiên họp và biên bản kiểm phiếu, Hội đồng thảo luận để thông qua Nghị quyết của Hội đồng;

k) Thư ký hội đồng có nhiệm vụ lập biên bản đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn (ghi chi tiết nội dung thảo luận tại phiên họp, ghi rõ các câu hỏi và trả lời, thành phần ban kiểm phiếu, có chữ ký của chủ tịch và thư ký hội đồng) và quyết nghị của Hội đồng;

l) Chủ tịch hội đồng công bố biên bản kiểm phiếu, biên bản hội đồng và quyết nghị của hội đồng.

9. Thủ tục sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn

a) Trong vòng 01 tuần sau buổi bảo vệ, thư ký Hội đồng gửi về TTĐTSDH:

- Nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án;
- Biên bản họp Hội đồng đánh giá luận án;
- Biên bản kiểm phiếu đánh giá luận án;
- Các phiếu đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng;
- 07 bản nhận xét luận án.

b) Trong vòng 02 tháng sau buổi bảo vệ thành công luận án cấp đơn vị chuyên môn, NCS nộp về TTĐTSDH các hồ sơ dành cho việc phản biện độc lập trước khi thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường. Hồ sơ bao gồm:

- 02 bản giải trình các điểm đã bổ sung và sửa chữa theo Nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn, có chữ ký xác nhận của NCS, tập thể hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng.

- 02 quyển luận án đóng bìa mềm và hai quyển tóm tắt luận án dùng cho phản biện độc lập, đã bổ sung và sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn và đã loại bỏ tất cả các thông tin liên quan đến NCS và tập thể hướng dẫn, kể cả danh sách các công trình đã công bố.

- 01 tóm tắt luận án có đầy đủ các thông tin liên quan đến NCS và tập thể hướng dẫn để đăng tải trên trang Web (02 trang).

10. Trong trường hợp Nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn kết luận không tán thành cho NCS bảo vệ luận án cấp trường:

a) NCS cần bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng. Khi có xác nhận của người hướng dẫn khoa học, chủ tịch và thư ký hội đồng, NCS đề nghị Nhà trường cho phép bảo vệ lại luận án nếu đang trong thời gian công nhận NCS.

b) Việc tổ chức bảo vệ lại luận án phải tuân thủ đúng các quy định như lần bảo vệ luận án thứ nhất.

Điều 33. Phản biện độc lập

1. Trước khi thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, Hiệu trưởng lấy ý kiến của 02 phản biện độc lập về luận án:

a) Phản biện độc lập là những nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực đề tài nghiên cứu của NCS, có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín khoa học cao, có chính kiến và bản lĩnh khoa học; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột với NCS.

b) Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho NCS bảo vệ luận án cấp trường.

2. Danh sách các phản biện độc lập là tài liệu mật của Trường:

a) Danh sách các phản biện độc lập được xây dựng trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa chuyên môn và do TTĐTSDH quản lý;

b) Danh sách các phản biện độc lập có thể được cập nhật thay đổi khi có yêu cầu của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của đơn vị chuyên môn hoặc có yêu cầu của TTĐTSDH;

c) Căn cứ vào tên và mã số ngành/chuyên ngành, Giám đốc TTĐTSDH đề xuất và trình Hiệu trưởng quyết định chọn 02 phản biện độc lập;

d) Các đơn vị và cá nhân (đơn vị chuyên môn, tập thể hướng dẫn và NCS,.. không được giao trách nhiệm liên quan) không được tìm hiểu về các phản biện độc lập đã được Hiệu trưởng quyết định chọn;

e) Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình cho đến khi luận án đã đáp ứng được các quy định về phản biện độc lập tại khoản 3 và 4 của điều này và tiếp tục các thủ tục đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường.

3. Việc xử lý sau khi có ý kiến của 02 phản biện độc lập được thực hiện như sau:

a) Cả 02 phản biện độc lập tán thành luận án, TTĐTSDH trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận án cấp trường cho NCS;

b) Có 01 phản biện độc lập không tán thành luận án, TTĐTSDH trình Hiệu trưởng quyết định chọn và gửi luận án lấy ý kiến của phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường cho NCS.

4. Luận án bị trả về để đánh giá lại ở cấp đơn vị chuyên môn nếu cả 02 phản biện độc lập đầu tiên không tán thành luận án, hoặc phản biện độc lập thứ ba không tán thành (khi luận án phải lấy ý kiến của phản biện độc lập thứ ba), trong trường hợp này:

a) Luận án phải được chỉnh sửa và tổ chức bảo vệ lại ở cấp đơn vị chuyên môn;

b) NCS chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ cấp trường sớm nhất sau 06 tháng và muộn nhất là 02 năm (kể từ ngày luận án bị trả lại);

c) Khi trình hồ sơ, luận án phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập như lần thứ nhất.

5. Quy trình phản biện độc lập:

a) Để đảm bảo yêu cầu bảo mật, Giám đốc TTĐTSDH trực tiếp gửi giấy mời nhận xét luận án đến phản biện độc lập và yêu cầu phản biện độc lập gửi bản nhận xét (có xác nhận và chữ ký của cơ quan nơi phản biện độc lập công tác) tới đích danh người đã gửi giấy mời;

b) Xử lý các ý kiến nhận xét từ phản biện độc lập:

Sau khi nhận được văn bản nhận xét của phản biện độc lập:

- TTĐTSDH sao và chuyển văn bản nhận xét của phản biện độc lập cho NCS. Trên bản sao có ý kiến của TTĐTSDH và đã loại bỏ các thông tin liên quan đến phản biện độc lập;

- NCS và tập thể hướng dẫn nghiên cứu kỹ các ý kiến của phản biện độc lập và của TTĐTSDH (nếu có) và viết bản tiếp thu ý kiến của các phản biện độc lập, bản tiếp thu ý kiến phải nêu rõ và cụ thể:

+ Phần nào, mục nào (ở trang bao nhiêu) đã được sửa chữa;

+ Những ý kiến được bảo lưu và cần được tranh luận trong buổi bảo vệ;

+ Những ý kiến được giải trình trong bản tiếp thu;

+ Có chữ ký xác nhận của NCS, tập thể hướng dẫn và TTĐTSDH.

d. Khi luận án đã đáp ứng được các quy định về phản biện độc lập tại khoản 3 và 4 của điều này, TTĐTSDH sẽ tiến hành các thủ tục đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường.

Điều 34. Điều kiện và hồ sơ đề nghị đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường:

a) Luận án của nghiên cứu sinh được đơn vị chuyên môn đề nghị được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

b) Luận án của nghiên cứu sinh được các phản biện độc lập quy định tại Điều 33 của Quy định này tán thành;

c) Nghiên cứu sinh không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, viện gồm:

- a) Toàn văn luận án;
- b) Tóm tắt luận án;
- c) Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài theo quy định của Nhà trường;
- d) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả qui định tại điểm b, khoản 2 Điều 29 Quy định này (nếu có);
- e) Văn bản của đơn vị chuyên môn đề nghị cho phép nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;
- f) Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ;
- g) Quyết định công nhận nghiên cứu sinh và minh chứng những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);
- h) Bản nhận xét của 02 phản biện độc lập;
- i) Những tài liệu khác theo quy định của Nhà trường.

3. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này; các tài liệu còn lại do TTĐTSDH tập hợp.

Điều 35. Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường

1. Hiệu trưởng Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường quy định chi tiết về tiêu chuẩn và nhiệm vụ đối với từng thành viên trong Hội đồng theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều này.

2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

- a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài;
- b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh;
- c) Thành viên chưa có chức danh giáo sư hay phó giáo sư phải có thời gian tốt nghiệp và nhận bằng tiến sĩ trên 03 năm tính đến ngày ký quyết định thành lập hội đồng.
- d) Có công trình nghiên cứu, có uy tín và kinh nghiệm hoạt động nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh, trong đó người phản biện phải có tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện.

3. Số lượng thành viên Hội đồng: Hội đồng gồm 07 thành viên, trong đó: số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư tối thiểu là 05 người; số thành viên đã tham gia đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn tối đa không quá 03 người; số thành viên là cán bộ của Nhà trường tối đa không quá 03 người;

4. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 03 phản biện và các ủy viên; chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với đề tài luận án của nghiên cứu sinh; các phản biện không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; đại diện tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể được mời tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên.

5. Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột của nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

Điều 36. Yêu cầu, điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường

1. Việc tổ chức cho NCS bảo vệ luận án phải đảm bảo các nguyên tắc sau: Công khai thời gian, địa điểm và tên đề tài luận án quyền luận án và quyền tóm tắt luận án của NCS trước buổi bảo vệ ít nhất 20 ngày trên trang Web của Trường và của TTĐTSDH, trừ các luận án được phép đánh giá theo chế độ mật tại điều 40 của Quy định này.

Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi về TTĐTSDH trước ít nhất 15 ngày làm việc trước khi bảo vệ luận án của NCS. Văn bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng phải đánh giá đầy đủ, cụ thể về các vấn đề sau:

- Sự phù hợp của luận án với ngành/chuyên ngành và mã số đăng ký;
- Trùng lặp hay không trùng lặp với các công trình đã công bố trong và ngoài nước;
- Tính trung thực của các trích dẫn;
- Bố cục và hình thức của luận án;
- Nội dung (phù hợp hay không phù hợp với đề tài nghiên cứu đã đăng ký) và chất lượng của các công trình đã công bố;
- Kết luận: Luận án có đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đối với một luận án tiến sĩ quy định tại điều 19 và 29 của Quy định này hay không.

2. Hội đồng không tổ chức họp để đánh giá luận án nếu xảy ra một (hoặc nhiều hơn) trong những trường hợp sau:

- a) Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 1 điều này.

b) Số cán bộ phản biện có ý kiến không tán thành luận án quá một. Trong trường hợp này, TTĐTSDH yêu cầu đơn vị chuyên môn tổ chức họp Hội đồng khoa học và đào tạo cùng với NCS, tập thể hướng dẫn và 03 cán bộ phản biện đề xuất quyết định theo một trong 02 hướng sau:

- NCS chỉnh sửa hoặc bổ sung theo ý kiến của cuộc họp ở trên và có bản giải trình về những nội dung chỉnh sửa hoặc bổ sung có xác nhận của chủ tọa, thư ký và những cán bộ phản biện đã có ý kiến không tán thành nay tán thành luận án;

- Luận án được xử lý theo quy định tại khoản 4 điều 33 của Quy định này.

c) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng.

d) Vắng mặt Thư ký Hội đồng.

e) Vắng mặt cán bộ phản biện có ý kiến không tán thành luận án.

f) Vắng mặt từ 02 thành viên Hội đồng trở lên.

g) NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Trong trường hợp cần thiết:

a) Hiệu trưởng quyết định thay đổi thành viên Hội đồng chấm luận án:

- Hoặc vì lý do bất khả kháng (đi công tác nước ngoài dài hạn, đi công tác liên quan đến an ninh quốc phòng, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng);

- Hoặc khi thành viên Hội đồng không đảm bảo các quy định tại khoản 2 điều 35 của quy định này.

b) Các thời hạn quy định, liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án, được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

4. Trong thời hạn tối đa là 90 ngày kể từ khi có quyết định thành lập, hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án cho NCS nếu:

a) Quá thời hạn này, hội đồng tự giải tán;

b) Sau khi hội đồng tự giải tán, NCS có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu còn trong thời gian đào tạo (hoặc thời gian được tiếp tục thực hiện luận án theo khoản 6 điều 21) và thỏa mãn điều kiện theo điều 29 của Quy định này;

c) Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án thực hiện như đối với NCS bảo vệ luận án cấp trường lần đầu.

Điều 37. Đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường

1. Việc tổ chức bảo vệ luận án phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Luận án phải được tổ chức bảo vệ công khai. Những đề tài liên quan tới bí mật quốc gia được tổ chức bảo vệ theo quy định tại điều 40 của Quy định này;

b) Thời gian, địa điểm tổ chức đánh giá luận án, tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường chậm nhất 20 ngày trước ngày bảo vệ trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 40 của Quy định này.

2. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín:

a) Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành;

b) Luận án không đạt yêu cầu nếu có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi bảo vệ trơ lên bỏ phiếu không tán thành.

3. Hội đồng phải ra Nghị quyết, trong đó nêu rõ:

a) Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ: kết quả đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng; những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; tính trung thực của kết quả nghiên cứu; kết luận của Hội đồng về việc không thông qua luận án và lý do hoặc thông qua luận án (bao gồm cả yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, nếu có), kiến nghị công nhận trình độ, cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh;

b) Biên bản buổi đánh giá luận án cấp trường được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký Hội đồng.

4. Sau khi NCS hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo Nghị quyết của Hội đồng (nếu có) và có văn bản giải trình chi tiết về các điểm đã bổ sung sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm kiểm tra lại luận án và ký xác nhận vào văn bản báo cáo của NCS để lưu lại tại TTĐTSDH. Chỉ sau khi hoàn tất thủ tục sửa chữa này NCS mới được phép nộp luận án cho thư viện Quốc gia và thư viện của Trường ĐHCN Hà Nội.

Điều 38. Quy trình bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường

1. Sau khi luận án đã đáp ứng được các quy định về phản biện độc lập được quy định tại điều 33, NCS nộp đơn về TTĐTSDH:

a) Bản tiếp thu ý kiến của các phản biện độc lập và TTĐTSDH (nếu có), có chữ ký xác nhận của NCS, tập thể hướng dẫn và TTĐTSDH;

b) 07 quyển luận án, 07 quyển tuyển tập các công trình công bố liên quan đến đề tài luận án và 20 quyển tóm tắt luận án (đã bổ sung và sửa chữa theo yêu

cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn và các phản biện độc lập);

c) Bản thông tin luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh: gồm các thông tin tóm tắt về những đóng góp mới về học thuật và lý luận của luận án;

d) Đĩa CD/DVD ghi nội dung bản luận án, tóm tắt luận án, thông tin,... và bản thảo nội dung sẽ thông báo trên trang Web của TTĐTSDH và Trường.

2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp trường cho NCS.

3. TTĐTSDH chịu trách nhiệm chuyển giấy mời đọc và nhận xét phản biện luận án cùng với quyền luận án, tóm tắt luận án và quyền tuyển tập các công trình đã công bố cho các thành viên hội đồng trong vòng 07 ngày (kể từ ngày ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường).

4. TTĐTSDH có trách nhiệm công bố các thông tin liên quan đến luận án tiến sĩ trên trang Web của Trung tâm và của Trường ĐHCN Hà Nội ngay sau khi có quyết định thành lập Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp trường.

5. Khi nhận đủ các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, TTĐTSDH thông báo tới Chủ tịch Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng chấm luận án lấy ý kiến các ủy viên Hội đồng và quyết định thời gian họp Hội đồng và gửi văn bản đề nghị này về TTĐTSDH (Nghiêm cấm NCS tham gia vào quá trình tổ chức Hội đồng).

6. TTĐTSDH chịu trách nhiệm công bố thông tin về buổi bảo vệ luận án cấp trường trên trang Web của Nhà trường và TTĐTSDH trong thời gian quy định.

7. TTĐTSDH gửi giấy mời họp Hội đồng cho các ủy viên hội đồng và khách tham dự, đại diện cơ quan cử người đi học là khách mời đương nhiên.

8. TTĐTSDH có trách nhiệm chuyển hồ sơ bảo vệ cho Thư ký Hội đồng. Hồ sơ bao gồm:

a) Các biểu mẫu biên bản dành cho Hội đồng chấm luận án cấp trường.

b) Các phiếu đánh giá luận án cấp trường.

c) Các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng.

d) Hồ sơ của NCS (được quy định tại khoản 2 điều 34 của Quy định này).

9. Thư ký hội đồng tổng hợp nội dung của các bản nhận xét luận án.

10. Trên cơ sở nội dung các bản nhận xét luận án của cán bộ phản biện và của các thành viên khác trong Hội đồng kèm nội dung của luận án, Thư ký Hội đồng

chuẩn bị bản dự thảo Nghị quyết của Hội đồng (được quy định tại khoản 3 điều 37) để hội đồng thảo luận khi họp riêng.

11. Trình tự buổi bảo vệ luận án cấp trường:

a) Đại diện TTĐTSDH tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận án cấp trường của Hiệu trưởng, chuyển quyền điều khiển cho Chủ tịch Hội đồng;

b) Chủ tịch Hội đồng công bố danh sách thành viên hội đồng (có mặt/vắng mặt), các điều kiện chuẩn bị cho buổi bảo vệ và công bố chương trình làm việc;

c) Thư ký hội đồng đọc lý lịch khoa học của NCS, nếu có ý kiến thắc mắc hay phản đối NCS sẽ phải giải trình trước hội đồng;

d) NCS trình bày luận án trong thời gian không quá 40 phút;

e) Các cán bộ phản biện nhận xét luận án và đặt câu hỏi;

f) Thư ký Hội đồng đọc bản tổng hợp nội dung của các bản nhận xét quyền tóm tắt luận án;

g) Thành viên Hội đồng và những người tham dự đặt câu hỏi hoặc góp ý về những kết quả đã đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được và những điểm cần bổ sung hoặc sửa chữa;

h) NCS trả lời các câu hỏi và giải trình các ý kiến của thành viên hội đồng và các nhà khoa học tham dự;

i) Hội đồng họp kín, từng thành viên Hội đồng viết phiếu đánh giá. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm một trưởng ban và 02 ủy viên (trưởng ban không nhất thiết là Chủ tịch Hội đồng). Ban kiểm phiếu làm nhiệm vụ có biên bản kiểm phiếu;

j) Dựa vào nhận xét của các thành viên, nội dung thảo luận tại phiên họp và biên bản kiểm phiếu. Hội đồng thảo luận để đưa ra Nghị quyết của Hội đồng;

k) Thư ký Hội đồng ghi biên bản hội đồng đánh giá luận án cấp trường (chi tiết nội dung thảo luận tại phiên họp, ghi rõ phần câu hỏi và trả lời, thành phần ban kiểm phiếu (có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng));

l) Chủ tịch Hội đồng công bố biên bản kiểm phiếu, biên bản hội đồng và quyết định của Hội đồng.

12. Trong vòng 02 tuần sau buổi bảo vệ luận án cấp trường, Thư ký Hội đồng cần gửi về TTĐTSDH các biên bản sau:

a) Nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường (02 bản);

b) Biên bản Hội đồng đánh giá luận án cấp trường (02 bản);

c) Biên bản kiểm phiếu (02 bản);

- d) Phiếu đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng;
- e) Hồ sơ đã nhận từ TTĐTSDH;
- f) Danh sách thành viên Hội đồng (có chữ ký);
- g) Bản nhận xét của các thành viên Hội đồng.

Điều 39. Đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường lần thứ hai

1. Trong trường hợp nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường lần thứ nhất kết luận không tán thành luận án, NCS phải sửa chữa và bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng và đề nghị bảo vệ luận án lần thứ hai nếu trong thời hạn đào tạo kể cả thời gian gia hạn.

2. Việc tổ chức bảo vệ luận án lần thứ hai phải tuân thủ đúng các quy định như lần thứ nhất.

3. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp trường lần thứ hai phải có tối thiểu 05 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất nhưng không được vắng mặt thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án.

4. Không tổ chức bảo vệ luận án lần thứ ba.

Điều 40. Bảo vệ luận án theo chế độ mật

Áp dụng theo điều 21 của Quy chế Đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 08/2009/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Chương 6

THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 41. Thẩm định luận án quá trình đào tạo và chất lượng luận án

Việc thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án được thực hiện trong các trường hợp sau:

1. Thẩm định ngẫu nhiên tối đa 20% hồ sơ quá trình đào tạo, chất lượng luận án đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua trong báo cáo của Nhà trường quy định tại điểm c, khoản 10 Điều 26 Quy định này.

2. Thẩm định khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án.

Điều 42. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo

a) Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh có đầy đủ minh chứng về điều kiện dự tuyển tại Điều 6 của Quy định này;

b) Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường của nghiên cứu sinh quy định tại khoản 2 Điều 34 của Quy định này;

c) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh quy định tại khoản 2 Điều 46 của Quy định này;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Hồ sơ thẩm định nội dung, chất lượng luận án

a) Luận án tiến sĩ đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo;

b) Tóm tắt luận án đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo;

c) Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh theo quy định;

d) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

Điều 43. Quy trình thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Nhà trường quy định tại điểm c, khoản 10 Điều 26 của Quy định này, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần thẩm định của Nhà trường và nội dung yêu cầu thẩm định cụ thể.

2. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của Nhà trường theo quy định tại Điều 42 của Quy định này, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tiến hành thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

3. Quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi hồ sơ thẩm định đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án của Quy định này.

4. Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến đánh giá của 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có kinh nghiệm chuyên môn, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

a) Luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu tối thiểu hai trong ba ý kiến thẩm định luận án tán thành;

b) Trong trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định qui định tại điểm a khoản này hoặc có đơn thư tố cáo về nội dung và chất lượng luận án thì Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, uỷ quyền hiệu trưởng Nhà trường tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 44. Hội đồng thẩm định luận án

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 04 thành viên chưa tham gia đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn, chưa là phản biện độc lập hoặc chưa là thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường; có các nhà khoa học tham gia thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại khoản 4 Điều 43 Quy định này.

2. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường quy định tại khoản 2 Điều 35 Quy định này.

3. Hội đồng thẩm định luận án có chủ tịch, thư ký và các ủy viên.

4. Hội đồng chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có).

5. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: xem xét, đánh giá và quyết nghị về nội dung, chất lượng luận án hoặc làm rõ những nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo.

6. Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt trở lên không tán thành.

7. Trong trường hợp luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua, Hiệu trưởng Nhà trường tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án cấp trường có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 12 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về nội dung, chất lượng luận án.

Điều 45. Xử lý kết quả thẩm định

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 43 Quy định này hoặc được Hội đồng thẩm định thông qua nhưng yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung, Hội đồng đánh giá luận án cấp trường cùng với người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét, quyết định các điểm cần sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của người thẩm định hoặc Hội đồng thẩm định.

2. Đối với luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua:

a) Trong trường hợp nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được phép sửa đổi, bổ sung và đề nghị đánh giá lại luận án theo quy định tại Điều 39 của Quy định này;

b) Trong trường hợp nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ thì Nhà trường xử lý theo quy định tại Điều 47 Quy định này.

3. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiệu trưởng Nhà trường bổ sung hoàn thiện hồ sơ và giải trình.

4. Trong thời gian tối đa 02 tháng (60 ngày) kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, hiệu trưởng Nhà trường có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này với các minh chứng kèm theo.

Điều 46. Cấp bằng tiến sĩ

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua đủ 03 tháng (90 ngày);

b) Nghiên cứu sinh đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường và được người hướng dẫn, TTĐTSDH, Chủ tịch Hội đồng xác nhận (nếu có);

c) Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 43 thì kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 3 và điểm a, khoản 4 Điều 43 và khoản 1 Điều 45 của Quy định này; hoặc chưa nhận được kết quả thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo khi đã hết thời hạn thẩm định quy định tại khoản 2 Điều 43 của Quy định này;

d) Đã đăng trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản in và file pdf) toàn văn luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Hiệu trưởng nhà trường sau khi đã bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và Hội đồng thẩm định (nếu có).

2. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án ở cấp trường;

b) Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường có mặt tại buổi đánh giá;

d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn hoặc tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh;

e) Danh sách có chữ ký của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường có mặt tại buổi đánh giá luận án của nghiên cứu sinh;

f) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;

g) Minh chứng đăng tin (hoặc bản sao) ngày bảo vệ (trừ những luận án bảo vệ theo chế độ mật quy định tại Điều 40 Quy định này);

h) Giấy biên nhận đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính và thư viện Nhà trường;

i) Các tài liệu khác theo quy định của Nhà trường (nếu cần).

3. Nhà trường tập hợp hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ và tiến hành thủ tục cấp bằng cho nghiên cứu sinh khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy các đủ điều kiện qui định tại khoản 1 Điều này và lưu trữ hồ sơ cấp bằng theo quy định.

4. Hiệu trưởng Nhà trường có trách nhiệm tổ chức kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, viện trước khi tổ chức cuộc họp thường kỳ Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường để thông qua danh sách nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

Chương 7

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 47. Khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

Việc khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm được tiến hành theo điều 29, 30, và 31 của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Điều 48. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các khoá tuyển sinh đã có quyết định công nhận nghiên cứu sinh trước thời điểm Thông tư 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 có hiệu lực, Nhà trường thực hiện theo quy định của Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ tại trường ĐHCN Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 524/QĐ-ĐHCN ngày 04 tháng 5 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Hà Nội.

2. Đối với các khóa tuyển sinh kể từ thời điểm Thông tư 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018, quy định về tiêu chuẩn người hướng dẫn nghiên cứu sinh tại điểm d, khoản 1 Điều 23 và quy định về điều kiện nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn tại điểm b, khoản 1 Điều 30 của Quy định này được thực hiện như sau:

a) Người hướng dẫn những đề tài thuộc Nhóm ngành I (quy định tại Phụ lục III) là tác giả chính của tối thiểu 01 bài báo bằng tiếng nước ngoài đăng trên các

tạp chí thuộc danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước hoặc trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

b) Người hướng dẫn những đề tài thuộc Nhóm ngành II (quy định tại Phụ lục III) là tác giả chính tối thiểu 01 báo cáo hoặc công trình khoa học đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành hoặc 01 bài báo đăng trong tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

c) Nghiên cứu sinh thực hiện những đề tài thuộc Nhóm ngành I (quy định tại phụ lục III) phải công bố nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án trong tối thiểu 02 bài báo hoặc báo cáo, trong đó có 01 bài báo bằng tiếng nước ngoài trên các tạp chí thuộc danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước hoặc trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài;

d) Nghiên cứu sinh thực hiện những đề tài thuộc Nhóm ngành II (quy định tại Phụ lục III) phải công bố nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án trong tối thiểu 02 bài báo hoặc báo cáo, trong đó có 01 báo cáo đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện.

3. Đối với các khóa tuyển sinh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 trở đi, người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải thực hiện quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 23 và nghiên cứu sinh phải thực hiện quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 31 của Quy định này.



Trần Đức Quý

MỤC LỤC

Chương 1 NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Mục tiêu đào tạo.....	1
Điều 3. Thời gian đào tạo và các cấp đánh giá luận án	1
Điều 4. Quản lý nghiên cứu sinh	2
Điều 5. Thu chi trong đào tạo trình độ tiến sĩ:.....	2
Chương 2 TUYỂN SINH	2
Điều 6. Thời gian và hình thức tuyển sinh	2
Điều 7. Thông báo và hồ sơ tuyển sinh	2
Điều 8. Điều kiện dự tuyển.....	3
Điều 9. Hội đồng tuyển sinh.....	4
Điều 10. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh	5
Điều 11. Tiểu ban chuyên môn.....	5
Điều 12. Quy trình xét tuyển NCS	6
Điều 13. Điều kiện trúng tuyển	7
Điều 14. Công nhận trúng tuyển.....	7
Điều 15. Triệu tập thí sinh trúng tuyển.....	7
Chương 3 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY	7
Điều 16. Chương trình đào tạo	7
Điều 17. Các học phần bổ sung	8
Điều 18. Các học phần ở trình độ tiến sĩ	9
Điều 19. Luận án tiến sĩ.....	10
Điều 20. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần lên lớp, tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ	11
Điều 21. Những thay đổi trong quá trình đào tạo.....	12
Chương 4 YÊU CẦU, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ. 13	
Điều 22. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ	13
Điều 23. Người hướng dẫn NCS	14
Điều 24. Nhiệm vụ và quyền của NCS.....	15
Điều 25. Trách nhiệm của đơn vị chuyên môn.....	16

Điều 26. Trách nhiệm của Trung tâm Đào tạo Sau đại học	17
Điều 27. Trách nhiệm của phòng Đào tạo	19
Điều 28. Trách nhiệm của Trung tâm Thư viện	19
Chương 5 LUẬN ÁN TIẾN SĨ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ.....	19
Điều 29. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ	19
Điều 30. Điều kiện bảo vệ luận án cấp đơn vị chuyên môn.....	21
Điều 31. Đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn.....	22
Điều 32. Quy trình bảo vệ luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn	24
Điều 33. Phản biện độc lập.....	26
Điều 34. Điều kiện và hồ sơ đề nghị đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường.....	28
Điều 35. Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường	29
Điều 36. Yêu cầu, điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường.....	30
Điều 37. Đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường	31
Điều 38. Quy trình bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường.....	32
Điều 39. Đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường lần thứ hai	35
Điều 40. Bảo vệ luận án theo chế độ mật	35
Chương 6 THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ.....	35
Điều 41. Thẩm định luận án quá trình đào tạo và chất lượng luận án.....	35
Điều 42. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án	35
Điều 43. Quy trình thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án	36
Điều 44. Hội đồng thẩm định luận án.....	37
Điều 45. Xử lý kết quả thẩm định	37
Điều 46. Cấp bằng tiến sĩ.....	38
Chương 7 KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	39
Điều 47. Khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm	39
Điều 48. Quy định chuyển tiếp.....	39

Phụ lục I

BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI (Ban hành kèm theo Quyết định số 505/QĐ-ĐHCN ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Stt	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 6
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2

Phụ lục II

HÌNH THỨC VÀ CẤU TRÚC LUẬN ÁN TIẾN SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 505/QĐ-ĐHCN ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

1. Luận án được viết bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng nước ngoài sử dụng kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 13-14, mã UNICODE.
2. Có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án.
3. Cấu trúc của luận án gồm:
 - a) Lý do lựa chọn đề tài, câu hỏi nghiên cứu, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học hoặc thực tiễn của đề tài;
 - b) Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;
 - c) Cơ sở lý thuyết, lý luận, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu;
 - d) Kết quả nghiên cứu và phân tích đánh giá;
 - e) Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;
 - f) Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án theo quy định của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;
 - g) Danh mục các bài báo/công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có);
 - h) Phụ lục (nếu có).

Phụ lục III

BẢNG DANH MỤC CÁC NHÓM NGÀNH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
(Ban hành kèm theo Quyết định số 505/QĐ-ĐHCN ngày 15 tháng 05 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Nhóm ngành	Mã danh mục cấp II	Mã danh mục cấp III	TÊN GỌI		
I	14		<i>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</i>		
		1401	Khoa học giáo dục		
		1402	Đào tạo giáo viên		
		1490	Khác		
	21			<i>Nghệ thuật</i>	
		2101	Mỹ thuật		
		2102	Nghệ thuật trình diễn		
		2103	Nghệ thuật nghe nhìn		
		2104	Mỹ thuật ứng dụng		
		2190	Khác		
		22			<i>Nhân văn</i>
			2201	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam	
			2202	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	
			2290	Khác	
	31			<i>Khoa học xã hội và hành vi</i>	
		3101	Kinh tế học		
		3102	Khoa học chính trị		
		3103	Xã hội học và Nhân học		
		3104	Tâm lý học		
		3105	Địa lý học		
		3106	Khu vực học		
		3190	Khác		
		32			<i>Báo chí và thông tin</i>
			3201	Báo chí và truyền thông	
			3202	Thông tin - Thư viện	

Nhóm ngành	Mã danh mục cấp II	Mã danh mục cấp III	TÊN GỌI
		3203	Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng
		3204	Xuất bản - Phát hành
		3290	Khác
34			<i>Kinh doanh và quản lý</i>
		3401	Kinh doanh
		3402	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm
		3403	Kế toán - Kiểm toán
		3404	Quản trị - Quản lý
		3490	Khác
38			<i>Pháp luật</i>
		3801	Luật
		3802	Dịch vụ pháp lý
		3890	Khác
		5109	Công nghệ kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa
		5110	Công nghệ kỹ thuật mỏ
		5190	Khác
76			<i>Dịch vụ xã hội</i>
		7601	Công tác xã hội
		7602	Dịch vụ xã hội
		7690	Khác
81			<i>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</i>
		8101	Du lịch
		8102	Khách sạn, nhà hàng
		8103	Thể dục, thể thao
		8104	Dịch vụ thẩm mỹ
		8105	Kinh tế gia đình
		8190	Khác
84			<i>Dịch vụ vận tải</i>
		8401	Khai thác vận tải

Nhóm ngành	Mã danh mục cấp II	Mã danh mục cấp III	TÊN GỌI
		8402	Dịch vụ bưu chính
		8490	Khác
			<i>Các chuyên ngành của khoa học xã hội và nhân văn thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng</i>
II	42		<i>Khoa học sự sống</i>
		4201	Sinh học
		4202	Sinh học ứng dụng
		4290	Khác
	44		<i>Khoa học tự nhiên</i>
		4401	Khoa học vật chất
		4402	Khoa học trái đất
		4403	Khoa học môi trường
		4490	Khác
	46		<i>Toán và thống kê</i>
		4601	Toán học
		4602	Thống kê
		4690	Khác
	48		<i>Máy tính và công nghệ thông tin</i>
		4801	Máy tính
		4802	Công nghệ thông tin
		4890	Khác
	51		<i>Công nghệ kỹ thuật</i>
		5101	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng
		5102	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
		5103	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
		5104	Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường
		5105	Công nghệ sản xuất
	5106	Quản lý công nghiệp	
	5107	Công nghệ dầu khí và khai thác	
	5108	Công nghệ kỹ thuật in	

Nhóm ngành	Mã danh mục cấp II	Mã danh mục cấp III	TÊN GỌI
		5109	Công nghệ kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa
		5110	Công nghệ kỹ thuật mỏ
		5190	Khác
	52		<i>Kỹ thuật</i>
		5201	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật
		5202	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
		5203	Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường
		5204	Vật lý kỹ thuật
		5205	Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa
		5206	Kỹ thuật mỏ
		5290	Khác
	54		<i>Sản xuất và chế biến</i>
		5401	Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống
		5402	Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da
		5403	Khai thác mỏ
		5490	Khác
	58		<i>Kiến trúc và xây dựng</i>
		5801	Kiến trúc và quy hoạch
		5802	Xây dựng
		5803	Quản lý xây dựng
		5890	Khác
	62		<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>
		6201	Nông nghiệp
		6202	Lâm nghiệp
		6203	Thủy sản
		6290	Khác
	64		<i>Thú y</i>
		6401	Thú y
		6402	Dịch vụ thú y

Nhóm ngành	Mã danh mục cấp II	Mã danh mục cấp III	TÊN GỌI
		6490	Khác
	72		<i>Sức khỏe</i>
		7201	Y học
		7202	Dược học
		7203	Điều dưỡng - Hộ sinh
		7204	Dinh dưỡng
		7205	Răng - Hàm - Mặt (Nha khoa)
		7206	Kỹ thuật y học
		7207	Y tế công cộng
		7208	Quản lý y tế
		7290	Khác
			<i>Các chuyên ngành của khoa học tự nhiên, công nghệ và kỹ thuật thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng</i>